|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO****TRƯỜNG .........** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc---------------------** |

**BÀI THU HOẠCH**

**BỒI DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN GIÁO VIÊN**

**Module TH25: Các kĩ thuật bổ trợ trong kiểm tra đánh giá kết quả học tập ở tiểu học**

Năm học: ..............

Họ và tên: .

Đơn vị:

1. Kỹ thuật quan sát, phân loại các kiểu quan sát trong đánh giá giáo dục và thực hành sử dụng cách thức quan sát và công cụ ghi nhận các quan sát:

1.1. Các kiểu quan sát trong đánh giá kết quả học tập: Quan sát là một phương tiện đánh giá HS theo hướng định tính, cung cấp thông tin có tác dụng hỗ trợ cho phương pháp đánh giá định lượng bằng các bài kiểm tra. Có 2 loại quan sát:

a) Quan sát quá trình: là theo dõi hoặc lắng nghe HS đang thực hiện các hoạt động học tập. Quan sát quá trình sẽ cho GV biết cách HS cư xử như thế nào cách các em học cá nhân hay nhóm, biết các em đang làm gì, gặp những khó khăn nào trong học tập.

b) Quan sát sản phẩm: là xem xét sản phẩm của HS sau một hoạt động. Sau khi quan sát, GV cho nhận xét, đánh giá.

Một số mục tiêu có thể đánh giá bằng phương pháp quan sát trong dạy học như:

|  |  |
| --- | --- |
| **Lĩnh vực mục tiêu** | **Các hành vi điển hình** |
| Kỹ năng | Nói, viết, làm thí nghiệm, vẽ, hát, chơi nhạc cụ, thể dục… |
| Thói quen học tập | Sắp xếp thời gian học tập, sử dụng phương tiện học tập, kiên trì, óc sáng tạo… |
| Thái độ xã hội | Quan tâm đến người khác, tôn trọng của công, pháp luật; có mong muốn làm việc có tập thể, nhạy cảm với vấn đề xã hội, tôn trọng quyền sở hữu… |
| Thái độ học tập | Sẵn sàng tiếp thu cái mới, có óc hoài nghi khoa học (hỏi, tự đặt câu hỏi, tìm cách trả lời…)… |
| Thái độ thẩm mỹ | Yêu thích thiên nhiên, nghệ thuật, yêu thích môn học, có óc thẩm mỹ… |

1.2. Các công cụ ghi nhận kết quả quan sát:

a) Sổ theo dõi kết quả kiểm tra, đánh giá HS.

b) Sổ Chủ nhiệm

c) Sổ nhật ký GV: Chẳng hạn: Ngày 14/3/2010. Toán bài 20 Nhận biết các số từ 1\_20

Bạn A nhận biết số rất nhanh trong trò chơi

Bạn B hơi chậm khi ghép hình 15 con cá.

d) Bảng kiểm: là bảng liệt kê những hành vi, tính chất…kèm với yêu cầu xác định và được dùng như bảng hướng dẫn theo dõi, xem xét, ghi nhận các quan sát.

Ví dụ: Khoanh tròn C (CÓ) hoặc K (KHÔNG)

Phát âm chuẩn C K

Nói trôi chảy C K

Liên quan đến bài học C K

Thời gian không quá 3 phút C K

đ) Thang mức độ: là phương cách tiện lợi để ghi nhận và báo cáo các vấn đề đã quan sát trên một nội dung kiểm tra rộng lớn hay phức tạp. Thang mức độ thường được xác lập với những mức độ có tính chất định tính hay miêu tả như “Xuất sắc, Trung bình, thường xuyên, hiếm khí…” và nó có chức năng tương tự như thang số.

Ví dụ: Khoanh tròn một trong các số dưới đây để chỉ mức độ HS đóng góp vào buổi thảo luận. Điểm 5 Xuất sắc; 4 Khá; 3 Trung bình; 2 Yếu; 1 Kém.

i. HS tham gia vào buổi thảo luận ở mức độ nào? 1 2 3 4 5

ii. Các ý kiến trao đổi liên quan đến chủ đề thảo luận ở mức độ nào? 1 2 3 4 5

1.3. Tiến trình và cách thức ghi nhận các quan sát để cho nhận xét

a) Trước khi quan sát: Câu hỏi gợi ý giúp GV lập kế hoạch quan sát

- Sẽ tìm hiểu điều gì khi quan sát?

- HS nào sẽ được quan sát?

- Khi nào sẽ quan sát?

- Những thông tin nào cần được ghi nhận?

- Ghi nhận những thông tin đó như thế nào?

- Có điều gì ảnh hưởng đến việc quan sát không?

b) Trong khi quan sát:

- Sử dụng công cụ quan sát để theo dõi hoạt động học tập của HS

- Thu thập đầy đủ các dữ liệu, tránh định kiến.

- Đối chiếu với những kết quả trước đây mà HS đạt được để có thể nhận ra sự tiến bộ của các em..

c) Sau khi quan sát: Căn cứ trên các ghi nhận GV đưa ra nhận xét nhằm phân tích và đánh giá những kết quả mà HS đạt được cũng như cho HS hướng phát huy hay điều chỉnh hoạt động học tập.

2. Kiểm tra miệng

– Khái niệm, tính chất và nguyên tắc kiểm tra miệng ở tiểu học:

2.1. Khái niệm Kiểm tra miệng (KTM): KTM là thuật ngữ chỉ hoạt động đánh giá thường xuyên và trực tiếp đối mặt giữa GV và HS nhằm đo lường một số hành vi thể hiện sự hiểu biết và khả năng ứng dụng những điều mà các em đã học.

Lợi ích của KTM: theo dõi sự lĩnh hội và phát triển của HS một cách liên tục trong học tập, nhờ vậy có những biện pháp điều chỉnh kịp thời quá trình dạy học của mình. Bên cạnh đó GV có thể có những hình ảnh rõ nét về trình độ của HS và từ đó động viên, khuyến khích hoặc giúp đỡ HS trong học tập.

2.2. Hình thức KTM ở tiểu học:

- Hỏi-đáp với những câu hỏi đóng hoặc mở (kiểu tự luận hạn chế)

- Hỏi-đáp với những câu hỏi trắc nghiệm khách quan.

- Trò chơi/tình huống/thảo luận/trình bày.

- Bài tập thực hành.

2.3. Tính chất của KTM:

- Ghi nhớ - tái hiện đơn giản

- Ghi nhớ - tái hiện sáng tạo

- Ghi nhớ - vận dụng – giải quyết vấn đề

2.4. Nguyên tắc thực hiện:

- Nắm rõ nội dung cần kiểm tra (Kiến thức/kỹ năng/thái độ)

- Dựa vào nội dung kiểm tra đã xác lập GV thiết kế hay lựa chọn một vài hoạt động để đánh giá HS.

- Nên sử dụng nhiều hình thức, kỹ thuật kiểm tra nhằm tránh sự đơn điệu, tránh lặp lại nguyên văn những câu hỏi, những bài tập đã được dùng trong lúc giảng dạy ở bài cũ.

- Ngoài kiểm tra ghi nhớ-tái hiện đơn giản, KTM cần tạo cơ hội cho các em áp dụng những kiến thức, kỹ năng đã học vào đời sống hằng ngày và giải quyết vấn đề, tạo cho các em có cơ hội được thể hiện, được diễn đạt, được trình bày.

3. Kiểm ta thực hành:

- Khái niệm thực hành và những kết quả học tập được đánh giá qua kiểm tra thực hành

- Vận dụng các biện pháp kiểm tra thực hành

3.1. Khái niệm và những kết quả học tập được đánh giá qua bài thực hành

a) Bài thực hành là gì? Là một kỹ thuật đánh giá mà trong đó các hành vi của HS sẽ được xem xét trong những tình huống cụ thể, nó đòi hỏi HS phải thể hiện các kỹ năng bằng hành động thực tế. Bài thực hành liên quan đến LÀM hơn là đến BIẾT. GV vừa đánh giá được phương pháp / tiến trình hoạt động mà HS thực hiện vừa đánh giá được sản phẩm do HS tạo ra từ việc thực hiện ấy.

b) Những loại khả năng được kiểm tra trong bài thực hành:

- Khả năng ứng dụng.

- Khả năng nhận diện vấn đề, thu thập dữ liệu, tổ chức, tích hợp và đánh giá thông tin và sáng tạo được nhấn mạnh

- Vẽ tranh, hát, động tác thể dụng hay trình bày miệng, sử dụng dụng cụ khoa học…

3.2. Các loại bài thực hành:

a) Bài tập thực hành hạn chế: thường bắt đầu bằng những chỉ dẫn hạy động lệnh trong đó nội dung và yêu cầu thực hiện được giới hạn trong một vài bài hoặc trong nội dung chuyên biệt. Ví dụ Viết tên các nước vào những chỗ trống thích hợp lên bản đồ Châu Mỹ; Ghép 4 hình tam giác (cho trước) để được một hình vuông…

b) Bài tập thực hành mở rộng: đòi hỏi HS phải tìm kiếm thông tin từ nhiều nguồn khác nhau vượt ra ngoài phạm vi những thông tin đã được cung cấp trong chính bài tập đó hay vượt ra ngoài nội dung của một vài bài học. Ví dụ: Thực hiện một cuộc khảo sát; Trình bày miệng kết hợp với minh họa bằng hình ảnh; Cách sử dụng thư viện; Ghi nhận và phân tích các quan sát, thu thập và phân tích dữ kiện trong thí nghiệm…

Cụ thể Môn TNXH lớp 2

I. Giúp HS vận dụng về kiến thức của những loại thân cây đã học để nhận biết, miêu tả và nhận xét thân cây trong thực tế.

II. Đóng vai nhà nghiên cứu khoa học, HS khảo sát, mô tả và phân loại các thân cây có trong trường học hoặc nơi em đang sống.

III. Yêu cầu HS nêu đặc điểm tương tự với những thân cây em đã học và chỉ ra những loại thân cây chưa học.

IV. Hướng dẫn HS cách sử dụng sách báo có ở thư viện để tìm tư liệu

v.Chia tổ nhóm và nêu nhiệm vụ thực hiện cho các thành viên trong nhóm

vi.Nêu yêu cầu đánh giá kết quả thực hành.

3.3. Hạn chế của bài thực hành:

- Việc cho điểm cũng như nhận xét đánh giá có thể không tin cậy.

- Mất nhiều thời gian tiến hành, đặc biệt là bài thực hành mở rộng.

- Tính khái quát của việc đánh quá trình hoạt động trong các bài tập thực hành thấp.

3.4. Cách xây dựng một bài thực hành:

Bước 1: Tập trung vào những thành quả học tập đòi hỏi các kỹ năng nhận thức và thực hành phức tạp. Từ đó, xác định các thành quả quan trọng cần đánh giá bằng thực hành.

Bước 2: Chọn và phát triên bài tập thể hiện đầy đủ cả nội dung kiến thức và kỹ năng liên quan trực tiếp đến các thành quả học tập trọng tâm đã xác định ở B1.

Bước 3: Luôn tập trung vào ý định đánh giá

Bước 4: Cung cấp hay gợi ý cho HS những hiểu biết cần thiết

Bước 5: Xây dựng phương hướng và tiến trình thực hiện bài tập một cách rõ ràng

Bước 6: Cho HS biết các tiêu chí đánh giá các hoạt động trong khi làm và sản phẩm sau khi làm.

3.5. Cách đánh giá các kỹ năng thực hành: Quan sát và ghi chép điều đã quan sát được; Sử dụng bảng kiểm; thang mức độ…

4. Học sinh tự đánh giá:

Thực hành các biện pháp rèn kỹ năng tự đánh giá cho học sinh và đánh giá lẫn nhau

VI. HỌC SINH TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Tại sao cần rèn cho HS tiểu học kỹ năng tự đánh giá?

Tự đánh giá là hoạt động của HS đánh giá bản thân và đánh giá các bạn học cùng lớp, thông qua đó hình thành rõ ràng hơn yêu cầu học tập, cách ứng xử với người khác và từ đó các em điều chỉnh hay phát triển hành vi thái độ của bản thân. Mặt khác nếu các em biết cách tự kiểm tra việc học, nhận thức được những gì mà gia đình, nhà trường mong đợi ở mình, tự tin để đánh giá bản thân và qua đó các em có thể kiểm soát được việc học của bản thân, lên kế hoạch để cải thiện việc học của mình, cảm thấy thoải mái về những gì các em làm được và dần dần lĩnh hội được cách tự học.

2. Các biện pháp giúp HS đạt được kỹ năng tự đánh giá

a) GV cần đặt câu hỏi giúp HS suy nghĩ về việc học của mình. Ví dụ: Em đã đọc lại bản nháp và kiểm tra lỗi chính tả chưa? Em nghĩ em giỏi phần nào trong bộ môn toán…

b) Hướng dẫn cho HS viết nhật ký học tập theo gợi ý của GV.Ví dụ: Những khó khăn em thường gặp phải, những điểm mạnh mà em cảm thấy, ý kiến về chất lượng làm bài của em…

c) Tổ chức hoạt động trao đổi về việc học tập và rèn luyện theo nhóm trong các tiết sinh hoạt hay ngoại khóa

d) Đưa ra những giới hạn với những yêu cầu cụ thể làm căn cứ cho HS tự đánh giá và đánh giá bạn trong các tiết học. Tránh đánh giá theo dạng chung chung “đúng, rõ ràng, hay, tốt…”

e) Phối hợp với gia đình tạo cơ hội cho HS kể lại, nhận xét quá trình và kết quả học tập của mình với cha mẹ; tạo cơ hội cho HS báo cáo với cha mẹ mình trong các buổi họp đối mặt (cha, mẹ, GV chủ nhiệm và HS). Từ đó các em có trách nhiệm hơn đối với việc học của mình, các em tự hào về bản thân mình hơn, tạo mối quan hệ tích cực hơn đối với GV và xây dựng được một ý thức cộng đồng trong lớp học đồng thời phát triển kỹ năng điều hành cho HS và mối liên hệ giữa nhà trường với gia đình được phát triển chặt chẽ hơn.

f) Lập những phiếu để giúp HS dễ dàng thể hiện các nhận xét tự đánh giá. Ví dụ:

+ Tên HS:..................... lớp ........... ngày ...........

+ Ở trường em giỏi về

+ Em nghĩ em cần giúp đỡ về

+ Môn học em thích là ........................ bởi vì

+ Những điều em thấy khó khăn khi học là

+…

|  |  |
| --- | --- |
|  | *............., ngày....tháng...năm....* |
|  | **Người viết** |